**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ AYUN PA**
**TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA - TỈNH GIA LAI
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Đình Nam
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Đức Thại
2. Bà Phan Thị Nhàn

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: bà Trần Thị Hợi, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:* bà Đỗ Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 về "tranh chấp Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh P V T (tên gọi khác: L), sinh năm 1980
Địa chỉ: 58 T, phường K, thị xã AP, tỉnh GL. Có mặt.
- Bị đơn: Chị L T TR, sinh năm 1990
Địa chỉ: 37 T, phường K, thị xã AP, tỉnh GL.
Vắng mặt.

# NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2018, các lời khai tại Tòa án và lời trình bày tại phiên toà nguyên đơn anh T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

- Về hôn nhân:

Anh T và chị TR kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND phường Đoàn Kết, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2016 vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm nên xảy ra cải vã không thể có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay, không ai còn quan tâm, chăm sóc nhau, chị Tr đã chuyển ra sống riêng, nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau và yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tr.

- Về con chung: Anh T và chị TR không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị TR: Từ khi thụ lý vụ án đến nay đã nhiều lần Tòa án đến tống đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa, chị TR nhận văn bản tống đạt nhưng không đến Tòa án làm việc. Tại phiên toà hôm nay, chị TR tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp chứng cứ gì để xem xét.

- Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng trong vụ án và Tòa án ban hành thông báo thụ lý vụ án, gửi thông báo cũng như tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, thu nhập chứng cứ cũng như tống đạt văn bản tố tụng và đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định. Việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, tuyên anh T được ly hôn với chị TR.

- Về con chung: Anh T và chị TR không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng áp phí đã nộp là 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, anh T đã nộp xong.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền: anh T xin ly hôn với chị TR. chị TR có nơi cư trú là 37 Hoàng Hoa Thám, phường Đàn Kết, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai nên Toà án nhân dân thị xã Ayun Pa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị TR vắng mặt tại phiên toà ngày 19/3/2019 không có lý do, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa, xét xử lại vào ngày 29/3/2019 nhưng chị TR vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt

chị TR là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[3] Về nội dung vụ án: anh T và chị TR kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Đoàn Kết, thị xã Ayun Pa, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vả nhau, anh T và chị TR đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay, tình cảm vợ chồng đã hết nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị TR. Về phía chị T từ khi thụ lý vụ án đến nay đã nhiều lần Tòa án đến tống đạt các văn bản tố tụng nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Điều đó chứng tỏ, chị T cố tình bỏ mặc, không quan tâm đến hạnh phúc gia đình.

Qua xác minh tại địa phương và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì anh T và chị TR mâu thuẫn là có thật. Vợ chồng chung sống với nhau thường xuyên cải vả, mâu thuẫn về kinh tế, không quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng chung sống với nhau không có con chung và đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị TR đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị TR theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh T và chị TR không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 235, 266, 267, 269, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân dân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên bố chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Thanh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh P V T được ly hôn với chị L B TR.

2. Về con chung: Anh T và chị TR không có con chung.

3. Về tài sản và nghĩa vụ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do Anh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001926 ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Anh T đã thực hiện xong nghĩa vụ đóng án phí.

5. Quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/3/2019), chị TR có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**HỘI ĐỒNG XÉT XƯ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đức Thại Phan Thị Nhàn Lê Đình Nam